

TTĐT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/CT-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2014

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 5.....
	Ngày: 06/8.....

CHỈ THỊ**Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
5 năm 2016 - 2020**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân đã nỗ lực vượt qua khó khăn thách thức, đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Để tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn thách thức, thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là các bộ, ngành trung ương và các địa phương) triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020.

I. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đúng tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực; từ đó xác định mục tiêu, định hướng phát triển của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020. Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015

a) Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, trong đó làm rõ các kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu và các định hướng phát triển đề ra, các khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch.

b) Kết quả thực hiện chủ trương, chính sách lớn trong tái cơ cấu kinh tế. Tập trung đánh giá kết quả xây dựng hệ thống pháp lý, các đề án tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực; quá trình và kết quả thực hiện tái cơ cấu trên 3 lĩnh vực: tái cơ cấu đầu tư, tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu thị trường tài chính. Đồng thời, phải có đánh giá tái cơ cấu trong nội bộ ngành,

lĩnh vực, nhất là trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến, xuất khẩu, dịch vụ chất lượng cao,... Trong mỗi lĩnh vực nói trên, cần nêu bật được các chủ trương, định hướng, chương trình kế hoạch tái cơ cấu, những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để rút kinh nghiệm cho giai đoạn tới.

c) Tình hình và kết quả thực hiện 3 đột phá lớn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Trong đó cần làm rõ những kết quả đạt được so với mục tiêu kế hoạch đề ra. Đặc biệt cần phân tích sâu các nguyên nhân khách quan và chủ quan của các hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện các đột phá trong các ngành, các cấp.

d) Tình hình và kết quả thực hiện các cân đối vĩ mô về tài chính, tiền tệ; cân đối thu chi ngân sách nhà nước; xuất nhập khẩu; quản lý nợ Chính phủ, nợ công, nợ quốc gia, nợ chính quyền địa phương. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển và cơ cấu các nguồn vốn đầu tư.

đ) Những kết quả về phát triển và đổi mới giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, y tế, thông tin, văn hóa, thể dục thể thao, bảo vệ trẻ em, phát triển thanh niên, chăm sóc người có công và bình đẳng giới; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng,... quản lý tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Đánh giá về thực hiện các nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; các kết quả về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

g) Đánh giá về hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,...

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 xây dựng trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực phục hồi đã tăng trưởng sau cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng tốc độ phục hồi còn chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, kinh tế có dấu hiệu phục hồi nhưng cũng còn nhiều khó khăn, thách thức; đặc biệt các diễn biến ở biển Đông có thể có tác động ảnh hưởng tới phát triển kinh tế đất nước. Bên cạnh những khó khăn, thách thức giai đoạn 2016 - 2020 nước ta cũng có nhiều thuận lợi khi thể và lực của đất nước sau gần 30 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn nhiều. Quy mô và tiềm lực kinh tế của đất nước được nâng cao hơn trước. Những kết quả bước đầu của tái cơ cấu nền kinh tế tạo ra những chuyển biến mới đối với sự phát triển đất nước. Sự ổn định về chính trị - xã hội là nền tảng vững chắc cho sự phát triển.

a) Mục tiêu tổng quát Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020

Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đi đôi với đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển bền vững; phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao

đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia. Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Củng cố và mở rộng các quan hệ đối ngoại, đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

b) Định hướng phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu:

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm 2016 - 2020 tăng 6,5 - 7%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,5%/năm.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành, lĩnh vực, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2011 - 2020 về: (i) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; (ii) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; (iii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

- Tiếp tục đổi mới, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, nhất là khu vực doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa; bảo đảm cạnh tranh bình đẳng.

- Tăng nhanh tiềm lực và bảo đảm an ninh tài chính quốc gia; lành mạnh hóa hệ thống tài chính; ổn định các cân đối vĩ mô; huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho phát triển nền kinh tế.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển giáo dục - đào tạo và phát triển mạnh khoa học - công nghệ. Phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng. Tập trung giảm nghèo bền vững. Thực hiện các chính sách lao động, việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Chủ động, tích cực phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy các di sản văn hóa dân tộc; tăng cường công tác thông tin truyền thông; phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao để nâng cao thể chất của người Việt Nam. Thực hiện tốt chính sách dân tộc và tôn giáo; bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em; phát triển thanh niên.

- Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Tạo môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

II. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

1. Những yêu cầu trong tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015

a) Việc đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, các Nghị quyết của Chính phủ, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch hàng năm.

b) Việc tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 phải huy động, phát huy được sự phối hợp của cả bộ máy tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các hiệp hội và cộng đồng dân cư.

c) Việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 phải bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát đúng thực tiễn.

2. Những yêu cầu trong xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

a) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của cả nước phải xây dựng bám sát các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 của cả nước.

b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương phải phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của cả nước, các quy hoạch phát triển; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương.

c) Các mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 phải bảo đảm tính khả thi; sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên.

d) Trong quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, các bộ, ngành và địa phương cần tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan nghiên cứu, các đoàn thể, các hiệp hội sản xuất và tiêu dùng, cộng đồng dân cư, các nhà tài trợ và các chuyên gia trong, ngoài nước.

3. Kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm

Kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và

huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 có chất lượng.

III. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 trong tháng 8 năm 2014.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế và các cân đối lớn trong quý IV năm 2014.

c) Tổng hợp và xây dựng dự thảo báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 trình Thủ tướng Chính phủ trong quý I năm 2015, trình Chính phủ trong quý II năm 2015 và báo cáo Quốc hội khóa XIII tại kỳ họp cuối năm 2015.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các cân đối lớn về tài chính, ngân sách nhà nước, trong đó bảo đảm chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, phân đầu theo tinh thần Kết luận Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (số 63-KL/TW ngày 27 tháng 5 năm 2013), báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 01 năm 2015.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước:

a) Hướng dẫn các ngành, các cấp xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

Đối với chỉ tiêu tổng giá trị tăng thêm trong nước trên địa bàn của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các địa phương sử dụng số liệu chính thức do Tổng cục Thống kê tính toán và công bố cho giai đoạn 2011 - 2013; các địa phương phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2014, dự kiến năm 2015 và ước thực hiện cả giai đoạn 2011 - 2015, làm căn cứ xây dựng chỉ tiêu này cho Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

b) Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương phù hợp với định hướng phát triển của cả nước, trình cấp có thẩm quyền; đồng thời, báo cáo các cơ quan cấp trên, các cơ quan Trung ương theo tiến độ quy định. Gửi dự thảo báo cáo Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 11 năm 2014.

c) Bố trí đủ kinh phí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của bộ, ngành và địa phương để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, bảo đảm nâng cao chất lượng các báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b). 365



Nguyễn Tấn Dũng